

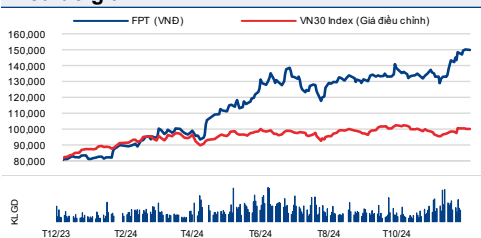
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ160,800
Tiềm năng tăng/giảm: 7.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/12/2024)	149,900
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	80,618-150,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	149,867
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	220,513
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,683
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,471
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	721
Slg CP NN được mua (tr.đv)	40.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	46.2%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	52,618	61,607	73,621
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,738	12,967	15,893
LNTT (tỷ đồng)	9,203	11,095	13,712
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,449	7,867	9,939
FCF (tỷ đồng)	5,539	5,136	6,884
EPS ĐC (đồng)	4,661	4,878	6,162
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	19,665	19,928	23,590
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	20.8	22.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.24	4.66	26.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	21.0	21.6
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	18.0	18.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.8	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.9	41.0	40.6
Nợ thuần/VCSH (%)	25.5	21.5	15.7
ROAE (%)	28.1	29.1	31.1
ROACE (%)	29.3	30.9	31.6
EV/doanh thu (lần)	3.73	3.67	3.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.3	17.4	14.2
P/E ĐC (lần)	32.2	30.7	24.3
P/B (lần)	7.62	7.52	6.35
Lợi suất cổ tức (%)	1.33	1.33	1.67

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Tháng 11/2024: Lợi nhuận thuần tăng 19% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần tháng 11 của FPT đạt 736 tỷ đồng (tăng 19% so với cùng kỳ) và doanh thu thuần đạt 5.608 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ). Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 7.302 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và đạt 93% dự báo cho cả năm 2024 của HSC ở mức 7.886 tỷ đồng.
- Doanh thu mảng Công nghệ tăng 29% so với cùng kỳ trong tháng 11, duy trì đà tăng trưởng mạnh, trong khi mảng Viễn thông tăng 14% so với cùng kỳ. Lưu ý, dù doanh thu giảm 22% so với cùng kỳ nhưng mảng Giáo dục/Đầu tư vẫn dẫn đầu về tăng trưởng LNTT (tăng 49% so với cùng kỳ).
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 160.800đ (tiềm năng tăng giá 7%) cũng như giữ nguyên dự báo. FPT đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025 là 24,3 lần, cao hơn so với bình quân 3 năm ở mức 17,2 lần nhưng vẫn rẻ hơn 5% so với trung vị của các công ty cùng ngành trên toàn cầu.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2024

Lợi nhuận thuần tháng 11 của FPT tăng 18,7% so với cùng kỳ đạt 736 tỷ đồng trên doanh thu thuần 5.608 tỷ đồng (tăng 18,4% so với cùng kỳ, đi ngang so với tháng trước). Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần của FPT đạt 7.302 tỷ đồng, tăng 21,2% so với cùng kỳ và doanh thu thuần đạt 56.404 tỷ đồng (tăng 19,5% so với cùng kỳ). KQKD này của FPT đã hoàn thành lần lượt 91,6% và 92,6% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cả năm 2024 của HSC. Chi tiết như sau.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/12.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD T11/2024 & 11 tháng đầu năm 2024, FPT

Tăng mạnh & sát dự báo với lợi nhuận thuần 11 tháng đầu năm tăng 21,2% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	T11/24	% sv cùng kỳ	% sv tháng trước	11T24	% sv cùng kỳ	% 2024F của HSC
Doanh thu	5,608	18.4%	1.0%	56,404	19.5%	91.6%
CNTT	3,609	28.9%	6.2%	34,970	25.0%	90.8%
Nước ngoài	2,754	20.5%	-3.3%	28,270	28.1%	90.8%
Trong nước	855	66.3%	55.7%	6,700	13.5%	90.9%
Viễn thông	1,547	14.0%	-0.4%	15,900	10.6%	90.9%
Khác	452	-22.1%	-25.3%	5,534	14.3%	98.7%
LNTT	1,013	18.3%	-9.1%	10,239	19.8%	92.3%
CNTT	496	14.0%	-11.9%	4,871	23.1%	94.5%
Nước ngoài	446	6.7%	-9.2%	4,551	24.5%	93.7%
Trong nước	50	194.1%	-30.6%	320	6.3%	106.9%
Viễn thông	300	9.1%	-4.2%	3,279	14.9%	89.5%
Khác	218	49.3%	-8.8%	2,090	20.5%	91.8%
Lợi nhuận thuần	736	18.7%	-8.5%	7,302	21.2%	92.6%

Nguồn: FPT, HSC

Mảng Công nghệ và Viễn thông dẫn đầu tăng trưởng doanh thu...

Doanh thu mảng **Công nghệ** trong tháng 11 đạt 3.609 tỷ đồng, tăng 28,9% so với cùng kỳ và 6,2% so với tháng trước, chủ yếu nhờ sự phục hồi của phân khúc dịch vụ CNTT trong nước (tăng 66,2% so với cùng kỳ và 55,7% so với tháng trước) lên 855 tỷ đồng do nhu cầu chi tiêu CNTT trong ngành ngân hàng và tài chính được cải thiện. Trong khi đó, tăng trưởng của phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài giảm nhẹ chỉ còn tăng 20,5% so với cùng kỳ (giảm 3,5% so với tháng trước) đạt 2.754 tỷ đồng do sự suy yếu kéo dài của thị trường Mỹ. Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, doanh thu mảng Công nghệ đạt 35 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ và bằng 90,8% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

Doanh thu chuyển đổi số dẫn đầu tăng trưởng trong phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài, với mức tăng 82,8% so với cùng kỳ và 7,7% so với tháng trước, đạt 1.369 tỷ đồng và đóng góp 49,7% vào doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài (so với 44,6% trong tháng 10/2024 và 32,8% trong tháng 11/2023). Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, doanh thu chuyển đổi số tăng 36,1% so với cùng kỳ đạt 13.053 tỷ đồng.

Doanh thu ký kết trong tháng 11 đạt 2.448 tỷ đồng (tăng 43% so với cùng kỳ và 36% so với tháng trước) nhờ một hợp đồng trị giá 225 triệu USD được ký kết tại Mỹ. Với kết quả này, doanh thu hợp đồng chưa thực hiện trong 11 tháng đầu năm 2024 tăng 18,3% so với cùng kỳ đạt 29,4 nghìn tỷ đồng.

Doanh thu mảng **Viễn thông** cũng khả quan trong tháng 11, tăng 14% so với cùng kỳ (nhưng đi ngang so với tháng trước) đạt 1.547 tỷ đồng, với tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng băng thông rộng. Theo đó, tính chung 11 tháng đầu năm 2024, doanh thu mảng Viễn thông đạt 15,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ và bằng 90,9% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

Trong khi đó, doanh thu từ **mảng giáo dục và các mảng khác** giảm mạnh 22% so với cùng kỳ và 25% so với tháng trước xuống còn 452 tỷ đồng (cao hơn nhẹ so với dự báo của chúng tôi). Do thiếu thông tin, chúng tôi cho rằng sự sụt giảm trong tỷ lệ tuyển sinh gần đây là nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu về doanh thu này. Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, doanh thu các mảng này đạt 5.534 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và bằng 99% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

...nhưng mảng Giáo dục/Đầu tư lại dẫn đầu tăng trưởng LNTT

LNTT của mảng Giáo dục và Đầu tư tăng mạnh 49% so với cùng kỳ (giảm 9% so với tháng trước) đạt 218 tỷ đồng nhờ vào sự phục hồi của FRT (Mua vào, giá mục tiêu 219.000đ, FPT sở hữu 46,5% cổ phần). Điều này đã giúp mở rộng tỷ suất LNTT của mảng này lên mức 48,2% trong tháng 11, so với 25,2% trong tháng 11/2023 và 39,5% trong tháng 10/2024.

LNTT của mảng Công nghệ tăng với tốc độ chậm hơn, chỉ tăng 14% so với cùng kỳ (giảm 12% so với tháng trước) đạt 496 tỷ đồng, chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận thấp từ phân khúc dịch vụ CNTT trong nước. Theo đó, LNTT của phân khúc dịch vụ CNTT trong nước đạt 50 tỷ đồng, tăng 194% so với cùng kỳ nhưng giảm 31% so với tháng trước, tương đương tỷ suất LNTT chỉ đạt mức 5,8%. Đối với phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài, LNTT đạt 446 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ nhưng giảm 9% so với tháng trước, do tỷ suất LNTT bị thu hẹp mạnh xuống mức 16,2% so với 17,2% trong tháng 10/2024 và 18,3% trong tháng 11/2023.

LNTT của mảng Viễn thông trong tháng 11 cũng chỉ tăng nhẹ 9% so với cùng kỳ và giảm 4% so với tháng trước, tương đương tỷ suất LNTT là 19,4% so với mức 20,3% và 20,2% được ghi nhận lần lượt trong tháng 11/2023 và tháng 10/2024.

Nhìn chung, tỷ suất LNTT và tỷ suất lợi nhuận thuần trong tháng 11 đều không đổi ở mức lần lượt là 18,1% và 13,1%, mặc dù cũng giảm nhẹ so với tháng trước. Do thiếu thông tin cụ thể, HSC cho rằng việc tỷ suất lợi nhuận bị thu hẹp

Có thể là do các chi phí cuối năm chưa được ghi nhận đầy đủ trong kỳ trước đó. Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, tỷ suất LNTT và tỷ suất lợi nhuận thuần cải thiện nhẹ lên lần lượt 18,2% và 12,9%, so với mức 18,1% và 12,7% trong cùng kỳ năm ngoái, nhờ nỗ lực tối ưu hóa hoạt động của mảng Viễn thông và sự phục hồi lợi nhuận từ FRT.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng; giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 160.800đ (tiềm năng tăng giá 7%). Vì KQKD tháng 11 sát với dự báo, chúng tôi giữ nguyên dự báo cho năm 2024 với doanh thu thuần đạt 61.607 tỷ đồng (tăng trưởng 17,1%) và lợi nhuận thuần đạt 7.886 tỷ đồng (tăng 21,9%) cũng như giữ nguyên dự báo cho năm 2025-2026.

FPT đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025 là 24,3 lần, cao hơn so với bình quân 3 năm ở mức 17,2 lần nhưng vẫn rẻ hơn 5% so với trung vị của các công ty cùng ngành trên toàn cầu, các công ty này đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025 là 25,5 lần. Mức định giá cao này là hợp lý nhờ tiềm năng tăng giá của FPT cũng như lợi nhuận thuần của Công ty dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 2 năm đạt 25%, cao hơn trung vị của các công ty cùng ngành ở mức 10%.

Bảng 2: Tỷ suất LNTT, FPT

Trong tháng 11, tỷ suất lợi nhuận đi ngang so với cùng kỳ nhưng giảm so với tháng trước, chủ yếu do mảng CNTT

Tỷ suất LNTT	T11/2023	T10/2024	T11/2024	11T2023	11T2024
LNTT	18.1%	20.1%	18.1%	18.1%	18.2%
CNTT	15.5%	16.6%	13.7%	14.1%	13.9%
Nước ngoài	18.3%	17.2%	16.2%	16.6%	16.1%
Trong nước	3.3%	13.1%	5.8%	5.1%	4.8%
Viễn thông	20.3%	20.2%	19.4%	19.8%	20.6%
Khác	25.2%	39.5%	48.2%	35.8%	37.8%
Lợi nhuận thuần	13.1%	14.5%	13.1%	12.7%	12.9%

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	44,010	52,618	61,607	73,621	89,749
Lợi nhuận gộp	17,167	20,320	24,004	29,082	35,701
Chi phí BH&QL	(10,373)	(11,868)	(13,687)	(16,598)	(20,043)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,795	8,452	10,317	12,484	15,659
Lãi vay thuần	311	618	278	522	591
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	484	42.3	394	578	696
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	73.0	91.3	107	128	156
LN TT	7,662	9,203	11,095	13,712	17,102
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,415)	(1,652)	(2,023)	(2,503)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,181)	(1,323)	(1,557)	(1,727)	(1,913)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,310	6,465	7,886	9,962	12,686
Lợi nhuận thuần ĐC	5,297	6,449	7,867	9,939	12,658
EBITDA ĐC	8,628	10,738	12,967	15,893	19,756
EPS (đồng)	4,429	4,661	4,878	6,162	7,847
EPS ĐC (đồng)	4,429	4,661	4,878	6,162	7,847
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,095	1,267	1,471	1,471	1,471
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,471	1,471	1,471
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,471	1,471	1,471

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	6,440	8,279	9,803	14,072	19,619
Đầu tư ngắn hạn	13,047	16,104	19,325	23,190	27,828
Phải thu khách hàng	8,503	9,674	11,274	13,473	16,424
Hàng tồn kho	1,966	1,593	2,156	2,577	3,141
Các tài sản ngắn hạn khác	982	1,055	1,232	1,472	1,795
Tổng tài sản ngắn hạn	30,938	36,706	43,791	54,783	68,807
TSCĐ hữu hình	11,776	13,697	14,720	16,208	17,040
TSCĐ vô hình	1,287	1,257	1,405	1,312	1,163
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,033	1,227	923	1,022	1,126
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,206	2,108	2,213	2,324	2,440
Tài sản dài hạn khác	4,411	5,288	5,872	6,414	7,254
Tổng tài sản dài hạn	20,713	23,577	25,132	27,279	29,023
Tổng cộng tài sản	51,650	60,283	68,923	82,063	97,830
Nợ ngắn hạn	10,904	13,838	14,786	17,669	19,745
Phải trả người bán	3,209	2,603	3,080	3,681	4,487
Nợ ngắn hạn khác	9,246	11,176	12,641	15,106	18,416
Tổng nợ ngắn hạn	24,521	29,652	32,772	39,163	45,947
Nợ dài hạn	1,478	208	600	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	149	246	330	396	475
Nợ dài hạn khác	143	175	204	243	297
Tổng nợ dài hạn	1,770	629	1,134	1,639	1,772
Tổng nợ phải trả	26,294	30,350	33,905	40,802	47,719
Vốn chủ sở hữu	21,046	24,974	29,315	34,702	42,569
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,310	4,959	5,703	6,558	7,542
Tổng vốn chủ sở hữu	25,356	29,933	35,017	41,260	50,111
Tổng nợ phải trả và VCSH	51,650	60,283	68,923	82,063	97,830
BVPS (đ)	19,185	19,665	19,928	23,590	28,937
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,942	5,767	5,582	4,598	1,126

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,795	8,452	10,317	12,484	15,659
Khấu hao	(1,833)	(2,287)	(2,650)	(3,409)	(4,097)
Lãi vay thuần	311	618	278	522	591
Thuế TNDN đã nộp	(1,171)	(1,415)	(1,652)	(2,023)	(2,503)
Thay đổi vốn lưu động	(1,781)	678	(1,870)	(1,599)	(2,146)
Khác	(933)	(1,102)	(397)	(701)	(569)
LCT thuần từ HKKD	5,054	9,517	9,327	12,092	15,130
Đầu tư TS dài hạn	(3,215)	(3,978)	(4,191)	(5,208)	(5,271)
Góp vốn & đầu tư	(33,552)	(35,290)	(3,326)	(3,976)	(4,754)
Thanh lý	40,731	30,582	0	0	0
Khác	1,794	2,137	1,317	1,754	2,045
LCT thuần từ HĐĐT	5,757	(6,548)	(6,200)	(7,430)	(7,981)
Cổ tức trả cho CSH	(2,222)	(2,931)	(2,942)	(3,678)	(3,678)
Thu từ phát hành CP	77.0	73.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(7,620)	1,719	1,340	3,284	2,076
Khác	(8.38)	(30.2)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9,773)	(1,168)	(1,603)	(394)	(1,602)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,418	6,440	8,279	9,803	14,072
LCT thuần trong kỳ	1,038	1,800	1,524	4,268	5,547
Ảnh hưởng của tỷ giá	(15.4)	38.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,440	8,279	9,803	14,072	19,619
Dòng tiền tự do	1,839	5,539	5,136	6,884	9,858

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.0	38.6	39.0	39.5	39.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.6	20.4	21.0	21.6	22.0
Tỷ suất LNT (%)	12.1	12.3	12.8	13.5	14.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.3	15.4	14.9	14.8	14.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	23.4	19.6	17.1	19.5	21.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.2	24.5	20.8	22.6	24.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.7	21.7	22.0	26.3	27.4
Tăng trưởng EPS (%)	(13.6)	5.24	4.66	26.3	27.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	5.24	4.66	26.3	27.3
Tăng trưởng DPS (%)	(25.9)	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.2	42.9	41.0	40.6	31.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.2	28.1	29.1	31.1	32.8
ROACE (%)	26.6	29.3	30.9	31.6	33.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.84	0.94	0.95	0.98	1.00
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.74	1.13	0.90	0.97	0.97
Số ngày tồn kho	26.7	18.0	20.9	21.1	21.2
Số ngày phải thu	116	109	109	110	111
Số ngày phải trả	43.6	29.4	29.9	30.2	30.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	30.6	25.5	21.5	15.7	5.13
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.3	23.4	23.8	22.3
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	1.36	1.24	1.23	1.10
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.26	1.24	1.34	1.40	1.50
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.87	3.73	3.67	3.06	2.47
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.7	18.3	17.4	14.2	11.2
P/E (lần)	33.8	32.2	30.7	24.3	19.1
P/E ĐC (lần)	33.8	32.2	30.7	24.3	19.1
P/B (lần)	7.81	7.62	7.52	6.35	5.18
Lợi suất cổ tức (%)	1.33	1.33	1.33	1.67	1.67

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn